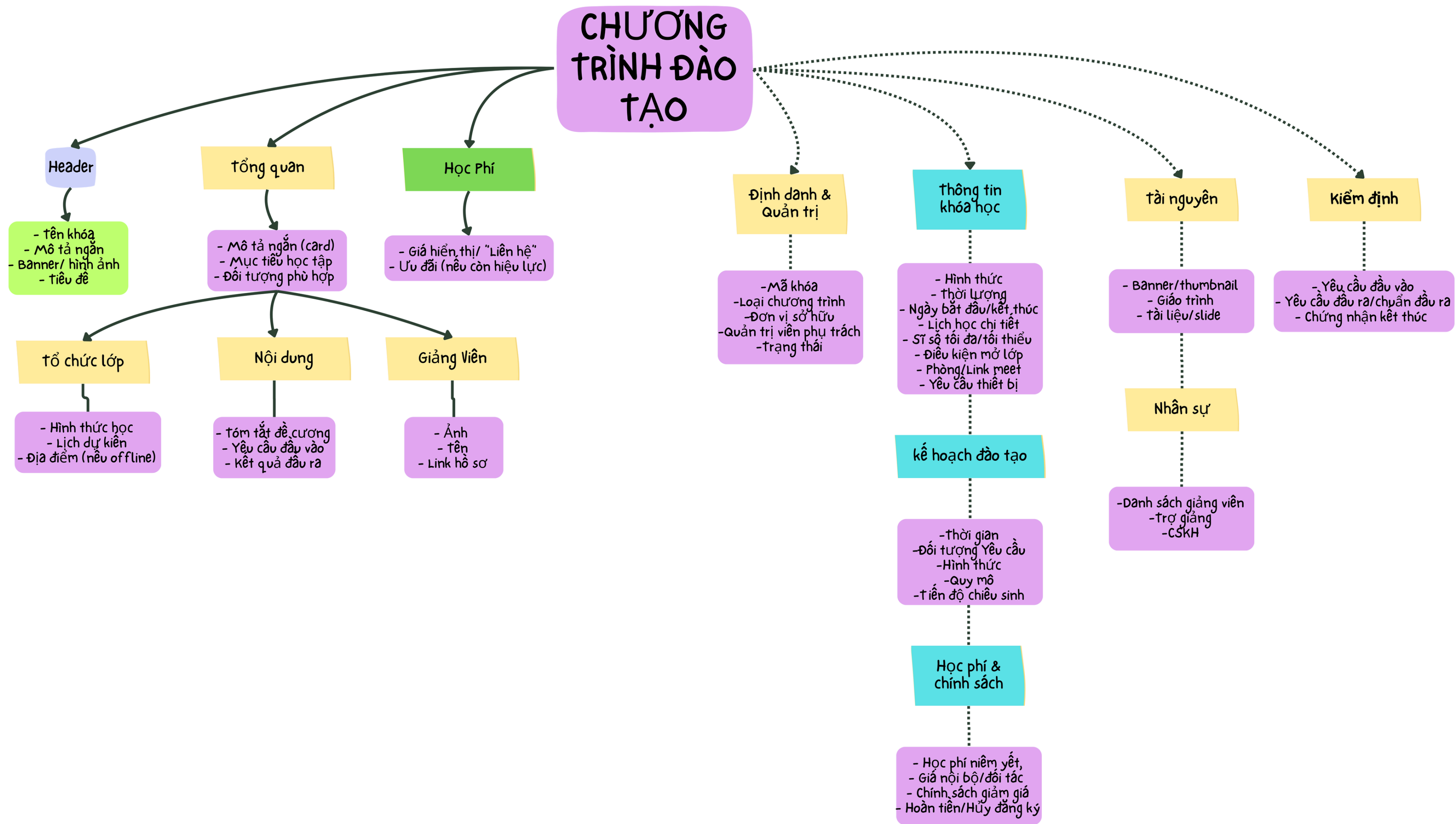


1) Giảng viên (Lecturers)
A. Thông tin đầy đủ – SGL quản lý (có trường ẨN)

Nhóm	Trường thông tin	Mô tả/Quy tắc
Định danh	Mã GV (code, unique)	Ví dụ: GV-2025-xx.
CV Giảng Viên	File đính kèm: Bản scan hoặc ảnh chụp (PDF, JPG, PNG, tối đa 10MB).	Chỉ Admin thấy.
Hồ sơ pháp lý	Họ tên pháp lý, Ngày sinh, CCCD/Passport (ẨN),	Phục vụ hợp đồng/chi trả.
Liên hệ làm việc	Email công việc (ẨN), SĐT công việc (ẨN), Địa chỉ liên hệ (ẨN)	Không public trừ khi chọn cho phép.
Năng lực	Lĩnh vực chính (tags), Lĩnh vực phụ (tags), Số năm KN, Trình độ học vấn cao nhất	Tag để gợi ý khóa học.
Chứng thực	Danh sách Bằng cấp, Chứng chỉ (file đính kèm – ẨN file, chỉ public tên/loại nếu bật)	Trạng thái xác minh: chưa xác minh/đã xác minh.
Kinh nghiệm	Kinh nghiệm giảng dạy, Kinh nghiệm dự án/industry (mô tả ngắn), Thành tựu	Dùng để xếp hạng/đề xuất.
Lịch & phân bổ	Khung thời gian rảnh (bật nút “Sẵn sàng”/ “Không sẵn sàng cho đến <ngày>), Thời gian ưu tiên (theo thứ tự giảm dần), Khu vực dạy offline ưu tiên, Ngôn ngữ giảng dạy	Dùng cho scheduler, matching.
Thông báo - Nhắc nhở	Yêu cầu đào tạo Nhắc lịch: phản hồi yêu cầu đào tạo/ gửi Đề cương/ chấm bài/ lịch khai giảng lớp đã confirmed/...	Dùng để trao đổi với GV.
Quản trị	Trạng thái hồ sơ (draft/pending/approved/rejected), Ghi chú duyệt (ẨN), Người phụ trách	Bắt buộc “approved” mới public.
Chỉ số	Điểm đánh giá nội bộ (ẨN), Số lớp đã dạy, Chỉ số hài lòng (NPS), Nhật ký cập nhật	Dùng KPI nội bộ.

B. Thông tin public (hiển thị)

Nhóm	Trường thông tin
Header	Ảnh đại diện, Tên hiển thị (Tên giảng viên), Danh xưng (ThS./TS./Mr./Ms.), Headline ngắn
Giới thiệu	Văn bản ngắn (300–500 ký tự), Lĩnh vực chính, Ngôn ngữ giảng dạy
Thành phần năng lực	Bằng cấp (tên/loại, năm) *, Chứng chỉ (tên, đơn vị cấp) *
Kinh nghiệm tiêu biểu	3–5 khóa/đề tài/ dự án nổi bật (tiêu đề + 1 dòng mô tả)
Đang phụ trách	Danh sách khóa học đang mở (link)
Tín nhiệm	Đánh giá trung bình (★), số lượt đánh giá, review trích dẫn (nếu có)



A. Thông tin đầy đủ – SGL quản lý (có trường ẨN)

Nhóm	Trường thông tin
Định danh	Mã khóa (unique), Loại chương trình (khóa lẻ/lộ trình/chuyên đề DN)
Quản trị	Đơn vị sở hữu (SGL/Đối tác), Quản trị viên phụ trách, Trạng thái (draft/review/published/unlisted/archived)
Cấu hình học vụ	Hình thức (online/offline/hybrid), Thời lượng (giờ/ buổi), Ngày bắt đầu/kết thúc, Lịch học chi tiết
Lớp & quy mô	Sĩ số tối đa/tối thiểu, Điều kiện mở lớp, Phòng/Link meet (ẨN), Yêu cầu thiết bị (public tùy chọn)
Kế hoạch đào tạo	Thời gian, Đối tượng, Yêu cầu, Hình thức, Quy mô, Tiến độ chiêu sinh,...
Học phí & chính sách	Học phí niêm yết, Giá nội bộ/đối tác (ẨN), Chính sách giảm giá (mã/%, thời hạn), Hoàn tiền/Hủy đăng ký
Tài nguyên	Banner/thumbnail, Syllabus (file Doc – ẨN bản chi tiết), Tài liệu/slide (ẨN)
Nhân sự	Danh sách Giảng viên lead/co, Trợ giảng, CSKH phụ trách
Marketing	Thẻ tags (AI, MOS, CEH, CCNA, Kỹ năng mềm,...), Từ khóa SEO, Mã chiến dịch, Nguồn lead ưu tiên
Kiểm định	Yêu cầu đầu vào, Yêu cầu đầu ra/chuẩn đầu ra, Chứng nhận kết thúc (loại, đơn vị cấp)
Theo dõi	Chỉ số quan tâm, Đăng ký theo kênh, Tỷ lệ chuyển đổi, Ghi chú vận hành (ẨN)

B. Thông tin public (hiển thị)

Nhóm	Trường thông tin
Header	Tên khóa, Subtitle ngắn, Banner/Thumbnail
Tổng quan	Mô tả ngắn (card), Mục tiêu học tập, Đối tượng phù hợp
Nội dung	Tóm tắt Đề cương (modules → bullet), Yêu cầu đầu vào, Kết quả đầu ra
Tổ chức lớp	Hình thức học, Lịch dự kiến, Thời lượng, Địa điểm (nếu offline)
Giảng viên	Ảnh + tên + link hồ sơ
Học phí	Giá hiển thị / “Liên hệ”, Ưu đãi (nếu còn hiệu lực)
CTA	Nút “Đăng ký”, “Yêu cầu tư vấn”, “Tải đề cương”
Xã hội chứng thực	Đánh giá ★, Case study/feedback (nếu có)

Chức năng quản lý khóa học

